

Bản án số: 101//2020/DS-ST
Ngày: 03-12-2020
*V/v tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi; Đòi tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Đẹp.

2. Ông Nguyễn Văn Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Nhật Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi, Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu Ch, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: 860 ấp L, xã Đ, thành phố M, Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 113 Ấp B, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 381 Ấp B, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 27 tổ S, Khu phố H1, phường Ch1, thành phố M, Tiền Giang.

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ S, Khu phố H1, phường Ch1, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thu Ch trình bày:* Chị tham gia 04 dây hụi của bà Đ làm chủ gồm:

Dây thứ 1: Hụi 1,000,000 đồng, khui năm 2017, 27 phần, tháng khui 01 lần, tham gia 02 phần, hốt được 36,800,000 đồng.

Dây thứ 2: Hụi 1,000,000 đồng, khui năm 20/7/2019 âm lịch, 12 phần, tháng khui 01 lần, tham gia 02 phần, hốt được 24,000,000 đồng.

Dây thứ 3: Hụi 2,000,000 đồng, khui ngày 10/02/2019 âm lịch, 17 phần, tháng khui 01 lần, tham gia 03 phần, hốt được 102,000,000 đồng.

Dây thứ 4: Hụi 2,000,000 đồng, khui ngày 30/11/2018 âm lịch, 20 phần, tháng khui 01 lần, tham gia 03 phần, hốt được 120,000,000 đồng.

Các dây hụi nói trên đã mãn, số tiền hụi bà Đ phải giao cho chị là 282,800,000 đồng nhưng bà Đ không giao. Ngoài ra bà Đ mượn của chị 02 chỉ vàng 24k, đã trả cho chị 01 chỉ vàng 24k vào tháng 8 năm 2020, còn nợ lại 01 chỉ vàng 24k.

Ngày 09/8/2020 bà Đ tính hụi và viết còn thiếu chị tiền hụi 282,800,000 đồng, 02 chỉ vàng 24k và cam kết bán được đất sẽ thanh toán dứt cho chị. Đến ngày 17/8/2020 bà Đ và chồng là ông Tr chuyển nhượng đất thửa 254, tờ bản đồ số 12 tại B, T, Mỹ Tho, Tiền Giang không trả tiền, vàng cho chị, nên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với thửa đất trên theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài chị chơi hụi của bà Đ, còn có chị Th và H (Vợ 9) của dây hụi khui ngày 30/11/2018, 20/7/2019 âm lịch. Chị Th, H đóng hụi cho bà Đ tại nhà có ông Tr chứng kiến, ông có thu tiền hụi của chị Th, H thay bà Đ và bà Đ tính nợ hụi với chị Th giống như chị và ông Tr cũng có nghĩa vụ trả khoản tiền hụi bà Đ nợ chị Th tại Quyết số 53/2020/QĐST-DS. Mặc khác ông Tr bị tai nạn giao thông vào năm 2019 sức khỏe không tốt, còn 02 con đi học nên chi phí sinh hoạt trong gia đình phụ thuộc vào tiền huê hồng bà Đ hưởng từ các giao dịch hụi và nông nghiệp, khi thiếu mượn vàng của chị để xoay xở lo cho gia đình.

Nay chị yêu cầu bà Đ và ông Tr có nghĩa vụ trả cho chị số tiền 282,800,000 đồng, tiền lãi chậm trả kể từ ngày 17/8/2020 đến ngày xét xử làm tròn 03 tháng với mức lãi suất 10%/năm. Riêng vàng, bà Đ mượn đỡ của chị 02 chỉ 24k bán lấy tiền chi phí lúc ông Tr bị tai nạn giao thông, đã trả 01 chỉ, nợ 01 chỉ vàng 24k, chị yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả cho chị do đã vi phạm thỏa thuận theo nội dung cam kết như trên.

** Bà Nguyễn Thị Đ từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà Đ không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.*

** Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt. Nhưng tại các bản tự khai, phiên họp và hòa giải ngày 30/9/2020 ông Tr bày: Ông là chồng của bà Đ, hiện cả hai đã sống ly thân với nhau. Việc bà Đ làm chủ hụi, nợ tiền hụi của chị Ch ông không biết, không có liên quan, chỉ sau khi biết được bà Đ vỡ hụi ông mới đi thu tiền hụi của hụi viên thay bà Đ. Nhưng tiền bà Đ có được từ việc làm hụi, không dùng phục vụ cho sinh hoạt gia đình. Vì ông có thu nhập từ việc làm vườn mỗi tháng khoảng 10 đến 14,000,000 đồng nên tiền bà Đ có được từ giao dịch hụi sử dụng vào mục đích khác, còn cụ thể ông không biết. Ông không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ trả tiền nợ hụi và vàng chị Ch kiện đòi.*

** Bà Lê Thị Thanh Th, chị Nguyễn Thị Thu H (Vợ 9) vắng mặt. Nhưng tại văn bản ngày 09 và 23/10/2020 trình bày: bà Đ làm chủ hội trên 15 năm, cha mẹ của bà Đ trước đây cũng làm hội. Chị Th, H và chị Ch cùng tham gia nhiều dây hội của bà Đ làm chủ. Chị Th, H khi đóng hội cho bà Đ tại nhà có ông Tr chứng kiến, có khi ông Tr đi thu tiền hội của hội viên thay bà Đ. Đồng thời tiền hội bà Đ nợ của chị Th cũng có chị Ch tham gia, được tất toán tương tự như của chị Ch. Do đó việc bà Đ làm chủ hội ông Tr và gia đình biết rất rõ và ông Tr biết chị Ch tham gia hội của bà Đ.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ, ông Tr; Áp dụng Điều 166, 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho chị Ch số tiền hội là 282,800,000 đồng và 01 chỉ vàng 24k.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu Ch đối với bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Tr là tranh chấp “Hợp đồng góp hội, Đòi tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Riêng Lê Thị Thanh Th và Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/10/2020. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự và người làm chứng.

[3] Xét việc thay đổi yêu cầu của chị Ch về yêu cầu đòi tài sản đối với bà Đ và ông Tr.

Nhận thấy, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 9 năm 2020 của chị Ch đã yêu cầu bà Đ và ông Tr trả cho chị 02 chỉ vàng 24k. Đến ngày 30/9/2020 tại phiên họp và phiên tòa chị Ch chỉ yêu cá nhân bà Đ trả cho chị 01 chỉ vàng 24k.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của chị Ch không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thu Ch về tranh chấp “Hợp đồng góp hội, Đòi tài sản” đối với bà Đ và ông Tr.

Qua lời trình bày của chị Ch, giấy tính hội ngày 09/8/2020 có ghi số tiền 282,800,000 đồng do bà Đ viết, ký, ghi họ tên vào bên dưới, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa chị Ch và bà Đ có xác lập Hợp đồng góp hội, mượn tài sản. Việc thực hiện giao dịch giữa các bên đương sự được tất toán bằng giấy tính hội ngày 09/8/2020. Bởi giấy tính hội có nội dung “Nguyễn Thị Đ còn thiếu lại số tiền nêu trên chưa có giao hội cho Chúc. Cam kết số tiền hội+02 chỉ vàng 24k, bán được đất thì sẽ thanh toán dứt cho Chúc”. Đối chiếu với tiền hội chị Ch yêu cầu là

282,800,000 đồng phù hợp với số tiền bà Đ tính của 04 dây hụi ghi trong giấy tính hụi nêu trên. Riêng 02 chỉ vàng 24k, chị Ch trình bày bà Đ đã trả cho chị 01 chỉ vàng 24k, còn nợ chị 01 chỉ vàng 24k nên ghi nhận. Do đó việc khởi kiện đòi tiền nợ hụi 282,800,000 đồng và 01 chỉ vàng 24k của chị Ch là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi chậm trả tiền, chị Ch yêu cầu tính kể từ ngày bà Đ ký chuyển nhượng thửa đất thửa 254, tờ bản đồ số 12 tại ấp B, xã T, Mỹ Tho, Tiền Giang theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/8/2020 như trên, mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tính đến ngày xét xử làm tròn 03 tháng.

Nhận thấy, thời hạn bà Đ cam kết trả tiền hụi, vàng cho chị Ch trong giấy tính hụi ngày 09/8/2020, khi bà Đ bán được đất và bà đã thực hiện chuyển nhượng đất như trên, không thực hiện là vi phạm nội dung cam kết nên chị Ch có quyền yêu cầu đòi trả tiền, vàng và yêu cầu tính lãi đối với tiền hụi kể từ ngày 17/8/2020 là phù hợp. Tuy nhiên giấy tính hụi ngày 09/8/2020, không có nội dung trả lãi đối với số tiền chậm trả, nên mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và được xác định là 10%/năm tức 0,83%/tháng và chị Ch thống nhất mức lãi suất này. Do đó thời gian tính lãi chậm trả tiền, mức lãi suất chị Ch yêu cầu là có cơ sở và số tiền lãi được tính: $282,800,000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 7,041,720$ (Bảy triệu không trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm hai mươi) đồng. Do đó số tiền nợ hụi và tiền lãi là 289,841,720 (Hai trăm tám mươi chín triệu tám mươi bốn mươi một ngàn bảy trăm hai mươi) đồng.

Về nghĩa vụ trả tiền, chị Ch yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ liên đới với bà Đ trả tiền cho chị.

Nhận thấy, tại văn bản ngày 09 và 23/10/2020 chị Th, chị H (Vợ 9) trình bày, cả hai là hụi viên của dây hụi khui ngày 30/11/2018, 20/7/2019 âm lịch có chị Ch tham gia do bà Đ làm chủ. Thời điểm bà Đ giao dịch hụi với chị Ch, Thủy và H thì ông Tr là chồng của bà Đ có chứng kiến chị Th, H đóng hụi cho bà Đ tại nhà, ông Tr có trực tiếp đi thu tiền hụi của chị Th, H thay bà Đ. Đồng thời giao dịch hụi giữa chị Th và bà Đ có chị Ch tham gia cũng được bà Đ tất toán bằng giấy tính nợ hụi với chị Th ngày 06/8/2020. Khoản tiền hụi bà Đ nợ chị Th được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 53/2020/QĐST-DS của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho và nội dung của Quyết định ông Tr chịu trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ đối với giao dịch hụi giữa bà Đ với chị Th. Ý kiến của chị Th, H như trên, phù hợp với lời trình bày của ông Tr tại biên bản tự khai do ông có trình bày có thu tiền hụi của hụi viên thay cho bà Đ. Do đó xác định giao dịch hụi của bà Đ làm chủ được thực hiện thời gian dài ông Tr biết, ông có trực tiếp thu tiền hụi của hụi viên thay bà Đ. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông Tr vẫn tồn tại, nội dung xác nhận thu nhập ngày 30/9/2020 của ông Tr không chứng minh được mức thu nhập hàng tháng của ông có được từ việc làm kinh tế vườn. Ngoài ra năm 2019, ông Tr bị tai nạn giao thông pH nằm viện điều trị, các khoản chi phí phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình đa phần do bà Đ lo từ khoản tiền huê hồng của các giao dịch hụi do bà Đ làm chủ, cũng như khi thiếu thì mượn vàng của chị Ch như trên. Vì vậy việc ông Tr cho rằng ông không biết bà Đ làm hụi, tiền huê hồng các giao dịch này không phục vụ cho sinh hoạt gia đình là không có cơ sở. Cho nên chị Ch yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ liên đới với bà Đ trả tiền cho chị từ giao dịch hụi do một mình bà Đ thực hiện là có căn

cứ và phù hợp quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Riêng 01 chỉ vàng 24k chị Ch chỉ yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ trả cho chị là tự nguyện nên ghi nhận.

Với nhận định nói trên, bà Đ và ông Tr có nghĩa vụ trả cho chị Ch số tiền nợ hụi 282,800,000 đồng và tiền lãi là 7,041, 720 đồng, tổng cộng là 289, 841,720 đồng. Bà Đ có nghĩa vụ trả cho chị Ch 01 chỉ vàng 24k.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, được nhận lại 7.195.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp. Bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận của số tiền 289,841,720 đồng và 01 chỉ vàng 24K (Giá vàng được tính theo giá vàng bán ra niêm yết tại Công ty trách nhiệm hữu hạn vàng bạc đá quý Ngọc Thẩm Tiền Giang ngày 03/12/2020 với vàng 24k bán ra giá 5,520.000 đồng/chỉ), mức thu là 5% giá trị tài sản tranh chấp.

[6] Đối với Nguyễn Thanh Duy là người nhận chuyển nhượng thửa đất 254, tờ bản đồ số 12 với bên chuyển nhượng bà Đ, ông Tr theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/8/2020 và đã bị phong tỏa tài sản theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Song giao dịch góp hụi và mượn tài sản giữa các bên đương sự, anh Duy không liên quan nên không đưa anh tham gia tố tụng khi giải quyết vụ án.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp một phần nhận định như trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, quyết định khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 471, 166, khoản Điều 357 và 288 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu Ch.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thu Ch số tiền là 289,841,720 (Hai trăm tám mươi chín triệu tám mươi bốn mươi một ngàn bảy trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ trả cho chị Nguyễn Thu Ch 01 (Một) chỉ vàng 24k.

Thời gian bà Đ, ông Tr thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vàng cho chị Ch khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 10/2020/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Biện pháp khẩn cấp tạm thời không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Bà Đ và ông Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 14,492,358 (Mười bốn triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn không trăm tám mươi sáu) đồng, bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm 300,000 (Ba trăm ngàn) đồng. Chị Nguyễn Thu Ch được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.195.000 (Bảy triệu một trăm chín mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 01948 ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP.Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP.Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Nguyễn Hoàng Yên